

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2018/HNGĐ-ST

Ngày 10-10-2018

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

Ông Mạc Hoàng Nhũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồng Huệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 252/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2018 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Như A, sinh năm 1987 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn R, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 8 năm 2018 và tại phiên tòa, chị Huỳnh Như A trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn R kết hôn vào năm 2007 và đã được Ủy ban nhân dân xã P, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24 tháng 12 năm 2007. Trong quá trình chung sống đến tháng 7 năm 2008 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do không hòa hợp và thường xuyên xảy ra tranh cãi và vợ chồng không còn sống chung cho đến nay. Xét thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn R. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 04 tháng 9 năm 2018, bị đơn anh Nguyễn Văn R trình bày: Về thời gian kết hôn, có đăng ký kết hôn, mâu thuẫn xảy ra đúng như chị

Huỳnh Như A đã khai. Nay cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, nên anh đồng ý ly hôn với chị Huỳnh Như A. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc chị Huỳnh Như A xin ly hôn anh Nguyễn Văn R là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, anh Nguyễn Văn R có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn R là có căn cứ.

[2] Xét về hôn nhân, chị Huỳnh Như A và anh Nguyễn Văn R kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau vào ngày 24 tháng 12 năm 2007, nên hôn nhân giữa chị Huỳnh Như A và anh Nguyễn Văn R được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị Huỳnh Như A và anh Nguyễn Văn R đều thừa nhận quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn do không hòa hợp và thường xuyên xảy ra tranh cãi nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Huỳnh Như A yêu cầu ly hôn và được anh Nguyễn Văn R đồng ý. Từ đó, chấp nhận cho chị Huỳnh Như A ly hôn với anh Nguyễn Văn R là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung là không có nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Huỳnh Như A chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Huỳnh Như A ly hôn với anh Nguyễn Văn R.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị Huỳnh Như A phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007250, ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, chị Huỳnh Như A đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Huỳnh Như A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn R có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Phương